TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **141**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 16 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 204/2023/TLST-VDS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Bà Lê Thị Tuyết B, sinh năm 1988. Địa chỉ: 39F1, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B

2. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1981. Địa chỉ: 202/8, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 08 tháng 5 năm 2023 các đương sự thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết B trực tiếp nuôi các cháu Nguyễn Nhật P sinh ngày 12/5/2010, Nguyễn Nhật Q sinh ngày 12/5/2010 và cháu Nguyễn Nhật Thiên K sinh ngày 18/8/2016. Ông Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà B không yêu cầu).

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B đều khai không có.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết B trực tiếp nuôi các cháu Nguyễn Nhật P sinh ngày 12/5/2010, Nguyễn Nhật Q sinh ngày 12/5/2010 và cháu Nguyễn Nhật Thiên K sinh ngày 18/8/2016. Ông Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà B không yêu cầu) và được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B đều khai không có.

1.5. Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Trung H và bà Lê Thị Tuyết B phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002887 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Ông H bà B đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- UBND phường An Hội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở